TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2024/QĐST- HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nông Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số C, đường N, Tổ H, Khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số C, đường N, Tổ H, Khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào 2012 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01, ngày 18/06/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T có có 03 (ba) con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Trịnh Thị Thúy V, sinh ngày 13/03/2006, cháu Trịnh Hoàng A, sinh ngày 04/09/2014 và cháu Trịnh Quỳnh A1, sinh ngày 12/01/2022. Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T thống nhất giao con chung là

Trịnh Thị Thúy V, Trịnh Hoàng A và Trịnh Quỳnh A1 cho bà Nông Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Văn T và bà Nông Thị Bảy t thoả thuận, không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 16/01/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Bà Nông Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là cháu Trịnh Thị Thúy V, sinh ngày 13/03/2006, cháu Trịnh Hoàng A, sinh ngày 04/09/2014 và cháu Trịnh Quỳnh A1, sinh ngày 12/01/2022.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Văn T và bà Nông Thị Bảy t thoả thuận, không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Nông Thị B và ông Trịnh Văn T mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Nông Thị B nộp và nộp thay ông Trịnh Văn T theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000752 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Ngân